

Số: 2470/QĐ-BXD

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18/02/2025; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27/6/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch; số 56/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch và số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Quyết định số: 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021, số 12/QĐ-TTg ngày 03/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 98/TTr-CĐBVN ngày 19/12/2025 của Cục Đường bộ Việt Nam về phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Báo cáo thẩm định số 387/BC-HĐTDQH ngày 10/12/2025 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu quy hoạch

- Cụ thể hóa hướng tuyến của các tuyến cao tốc, quốc lộ trong quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó xác định hướng tuyến cơ bản, các điểm khống chế chính, dự kiến chiều dài các tuyến đường bộ.

- Hoạch định quy mô các tuyến cao tốc, quốc lộ qua từng địa phương, từng vùng; xác định sơ bộ quy mô của cầu, hầm trên tuyến đường bộ; xác định các điểm giao cắt chính, phương án kết nối với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp.

- Xác định nhu cầu sử dụng đất, nhu cầu vốn đầu tư.

- Xác định lộ trình thực hiện quy hoạch từng đoạn tuyến cao tốc, quốc lộ cụ thể cho các giai đoạn đến năm 2030 và giai đoạn sau năm 2030.

- Là cơ sở để địa phương triển khai các quy hoạch khác có liên quan, quản lý quy hoạch và triển khai đầu tư các tuyến đường bộ được giao, phân cấp.

2. Nội dung quy hoạch

a) Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản, các điểm khống chế chính, dự kiến chiều dài qua từng địa phương, từng vùng của từng tuyến cao tốc, quốc lộ theo các phụ lục, hồ sơ chi tiết kèm theo. Trong đó:

- Đối với các đoạn tuyến tránh, đoạn cần điều chỉnh cục bộ hướng tuyến (nếu có) sẽ được xác định trong quy hoạch của địa phương hoặc do cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư xem xét, quyết định trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án sau khi có ý kiến của cơ quan tổ chức lập quy hoạch này và địa phương có liên quan (nếu có ảnh hưởng) để bảo đảm tính kinh tế - kỹ thuật, đồng bộ với các quy hoạch và dự án có liên quan.

- Trường hợp triển khai dự án đầu tư tuyến cao tốc, quốc lộ, do yêu cầu điều chỉnh quy hoạch của địa phương hoặc yêu cầu khác, vị trí điểm đầu, điểm cuối của tuyến đường có thể được xác định khác với vị trí trong hồ sơ quy hoạch bảo đảm không thay đổi tính kết nối của tuyến đường, bảo đảm tính kinh tế - kỹ thuật và được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư xem xét, quyết định trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án.

- Các địa danh được sử dụng để xác định điểm đầu, điểm cuối, hướng tuyến, vị trí giao cắt... trong hồ sơ quy hoạch được cập nhật theo tên địa danh mới. Trường hợp địa danh có sự thay đổi, chưa thống nhất hoặc khác với thực tế, việc xác định địa danh theo bản vẽ chi tiết trong hồ sơ quy hoạch của tuyến đường.

b) Quy mô mặt cắt ngang, tiêu chuẩn kỹ thuật

Quy mô mặt cắt ngang các tuyến cao tốc, quốc lộ được xác định theo số làn xe trong các phụ lục, hồ sơ chi tiết kèm theo, bề rộng chi tiết của các cơ cấu, thành

phần mặt cắt ngang (làn xe chạy, lề đường, dải an toàn, lề đất, mái taluy, đường gom, đường dân sinh...) được xác định tương ứng với tiêu chuẩn kỹ thuật của tuyến đường (bảo đảm phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, nhu cầu vận tải, công năng, vai trò của tuyến đường) trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án. Trong đó:

- Quy mô các tuyến cao tốc, quốc lộ là quy mô tối thiểu (số làn xe tối thiểu) trên toàn đoạn tuyến. Đối với các đoạn tuyến qua khu vực đô thị, khu vực đông dân cư, các đoạn tuyến có quy mô hiện trạng lớn hơn quy mô quy hoạch hoặc các đoạn tuyến cần đầu tư với quy mô lớn hơn thì quy mô các đoạn tuyến này được xác định theo quy mô của quy hoạch khác có liên quan hoặc theo quy mô hiện trạng đoạn tuyến hoặc theo tính toán chi tiết trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án và được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư quyết định trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án.

- Các đoạn tuyến cao tốc, quốc lộ qua khu vực đô thị hoặc qua khu vực có điều kiện đặc biệt, tùy theo điều kiện cụ thể sẽ được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, quyết định đầu tư xem xét, quyết định phương án xây dựng cầu cạn, hầm hoặc đường thông thường trên cơ sở so sánh kinh tế - kỹ thuật trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án.

- Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố mặt cắt ngang tương ứng với phần tuyến.

- Tiêu chuẩn kỹ thuật (cấp đường, tốc độ thiết kế) được xác định theo tổng thể của tuyến đường. Tiêu chuẩn kỹ thuật cụ thể của các đoạn tuyến được xác định trong quá trình chuẩn bị đầu tư trên cơ sở số liệu chi tiết, điều kiện khu vực (trong đô thị hoặc ngoài đô thị, miền núi hoặc đồng bằng...).

c) Các điểm giao cắt chính

- Các điểm giao cắt chính từng tuyến cao tốc, quốc lộ theo hồ sơ chi tiết kèm theo.

- Vị trí, loại hình nút giao khác mức liên thông của các tuyến cao tốc; đầu nối vào quốc lộ được xác định bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật về đường bộ, an toàn giao thông, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy định khác có liên quan.

d) Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp

- Các đoạn tuyến kết nối tuyến cao tốc, quốc lộ với các đầu mối giao thông (cửa khẩu, cảng biển, cảng thủy nội địa, ga đường sắt, cảng hàng không...) là đường địa phương hoặc đường chuyên dùng. Quy mô, hướng tuyến cụ thể các đoạn tuyến này được quyết định trong quy hoạch của địa phương.

- Chủ đầu tư các khu kinh tế, khu dân cư, khu đô thị và các công trình tập trung lưu lượng giao thông lớn cần xây dựng hệ thống đường gom để kết nối với các tuyến cao tốc, quốc lộ tại những vị trí nhất định theo quy định của pháp luật về đường bộ.

- Việc xây dựng, tổ chức giao thông hệ thống đường bên dọc các tuyến cao tốc; đường gom, đường bên dọc các tuyến quốc lộ do địa phương quyết định bảo đảm nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

đ) Công trình trạm dừng nghỉ

Vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ trên các tuyến cao tốc, quốc lộ được xác định trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án có liên quan, trong đó:

- Vị trí trạm dừng nghỉ bảo đảm khoảng cách theo yêu cầu quy định tại quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy định khác có liên quan.

- Quy mô trạm dừng nghỉ được tính toán, xác định bảo đảm đáp ứng nhu cầu dừng nghỉ trên tuyến, phù hợp với quy định tại quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy định khác có liên quan.

3. Kết quả quy hoạch

a) Hệ thống đường bộ cao tốc

Hệ thống đường bộ cao tốc được quy hoạch 43 tuyến, tổng chiều dài khoảng 8.923 km, cụ thể:

- Trục dọc Bắc - Nam, gồm: tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông chiều dài khoảng 2.065 km và tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây chiều dài khoảng 1.205 km (Chi tiết tại Phụ lục 1).

- Khu vực phía Bắc, gồm: 14 tuyến, chiều dài khoảng 2.242 km (Chi tiết tại Phụ lục 2).

- Khu vực miền Trung và Tây Nguyên, gồm: 11 tuyến, chiều dài khoảng 1.353 km (Chi tiết tại Phụ lục 3).

- Khu vực phía Nam, gồm: 11 tuyến, chiều dài khoảng 1.342 km (Chi tiết tại Phụ lục 4).

- Vành đai thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh gồm: 03 tuyến vành đai thành phố Hà Nội, chiều dài khoảng 417 km và 02 tuyến vành đai Thành phố Hồ Chí Minh, chiều dài khoảng 299 km (Chi tiết tại Phụ lục 5).

b) Hệ thống quốc lộ

Hệ thống quốc lộ được quy hoạch gồm 172 tuyến, tổng chiều dài khoảng 28.614 km, cụ thể:

- Trục dọc Bắc - Nam, gồm: quốc lộ 1, chiều dài khoảng 2.218 km và đường Hồ Chí Minh, chiều dài khoảng 1.894 km (Chi tiết tại Phụ lục 1).

- Khu vực phía Bắc, gồm: 21 tuyến quốc lộ chính yếu, chiều dài khoảng 6.530 km (Chi tiết tại Phụ lục 6) và 34 tuyến quốc lộ thứ yếu, chiều dài khoảng 3.857 km (Chi tiết tại Phụ lục 7).

- Khu vực miền Trung và Tây Nguyên, gồm: 24 tuyến quốc lộ chính yếu, chiều dài khoảng 4.275 km (Chi tiết tại Phụ lục 8) và 47 tuyến quốc lộ thứ yếu, chiều dài khoảng 4.393 km (Chi tiết tại Phụ lục 9).

- Khu vực phía Nam, gồm: 17 tuyến quốc lộ chính yếu, chiều dài khoảng 2.378 km (Chi tiết tại Phụ lục 10) và 27 tuyến quốc lộ thứ yếu, chiều dài khoảng 3.069 km (Chi tiết tại Phụ lục 11).

4. Nhu cầu sử dụng đất: khoảng 200.430 ha.

5. Nhu cầu vốn đầu tư: khoảng 3.230.000 tỷ đồng.

6. Nguồn vốn: vốn ngân sách Nhà nước, trái phiếu Chính phủ, vốn vay ODA, vốn huy động ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

7. Lộ trình thực hiện quy hoạch

Tiến độ thực hiện từng tuyến cao tốc được xác định cụ thể theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg, số 12/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ.

Việc mở rộng các tuyến cao tốc theo quy mô quy hoạch, nâng cấp, mở rộng các đoạn quốc lộ hoặc xây dựng tuyến tránh được xác định trên cơ sở kết quả dự báo nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực.

8. Giải pháp thực hiện quy hoạch

Thực hiện các giải pháp quy hoạch đã được xác định tại Quyết định 1454/QĐ-TTg, số 12/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Xây dựng

- Công bố quy hoạch, bàn giao cho chính quyền địa phương liên quan hồ sơ quy hoạch để quản lý quỹ đất cho việc xây dựng đường theo quy hoạch.

- Thực hiện các chức năng quản lý nhà nước trong giai đoạn đầu tư, vận hành khai thác đối với các tuyến đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện quy hoạch, các dự án đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành.

2. Các Bộ, ngành liên quan: theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm cập nhật quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ vào các quy hoạch có liên quan; phối hợp với Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong quá trình thực hiện quy hoạch, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các chiến lược, quy hoạch có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

- Tổ chức quản lý quỹ đất cho quy hoạch theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan. Đồng thời trên cơ sở quy hoạch này, chủ động lập dự án, huy động mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng, bảo trì các đoạn tuyến được phân cấp.

- Phối hợp với các địa phương có liên quan trong quá trình đầu tư bảo đảm thống nhất, đồng bộ về quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật giữa các đoạn tuyến.

- Phối hợp với Bộ Xây dựng trong quá trình đầu tư, quản lý, khai thác tuyến cao tốc, quốc lộ.

- Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch, các dự án trên địa bàn quản lý phù hợp với nội dung quy hoạch. Thông báo về quy hoạch tuyến đường trên địa bàn địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Thủ trưởng các đơn vị: Văn phòng Bộ; các Vụ: Kế hoạch - Tài chính, Quy hoạch - Kiến trúc; các Cục: Đường bộ Việt Nam, Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng, Kết cấu hạ tầng xây dựng và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Văn phòng Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng;
- Các Cục, Vụ thuộc Bộ Xây dựng;
- Công TTĐT Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, KHTC LONGPV

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Anh Tuấn